



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

KT3 – 01868AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : MẪU NƯỚC TẠI VAN NƯỚC VỆ SINH TRƯỚC AIR SHOWER CHÍNH – NHÀ MÁY MÌ HCM2
Ký hiệu van: A/HCM2
Thời gian lấy mẫu/ Sampling time: 10^h00 – 09/05/2019
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu nước chứa trong 03 chai nhựa x 1,0 L
As received, the water sample was contained in 03 plastic bottles x 1,0 L
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 09/05/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing time : 10/05/2019 – 15/05/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường CN 11, Nhóm CN II, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL
TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.qltest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/1 – TTTN09

KT3 – 01868AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2019
Page 02/02

Tên chỉ tiêu Characteristic		Phương pháp thử Test method	Mức giới hạn tối đa cho phép theo yêu cầu ban đầu Maximum requirement of detection QCVN 1:2009 /BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	
Nhóm Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ					
7.1. Độ màu / Color	Pt. Co	TCVN 6185 : 2015	15	5,0	KPH
7.2. Mùi / Odor,		Cảm quan Sensory test	Không có mùi lạ No strange odor	-	Không có mùi lạ No strange odor KPH
7.3. Độ đục / Turbidity	NTU	SMEWW 2130B : 2017	2,0	0,5	KPH
7.4. Độ pH ở 25 °C/ pH value at 25 °C		TCVN 6492 : 2011	6,5 – 8,5	-	7,2
7.5. Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ ,mg/L Total hardness as CaCO ₃		SMEWW 2340C : 2017	300	-	16,5
7.6. Hàm lượng clorua (Cl ⁻), Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	250	-	37,0
7.7. Hàm lượng sắt (Fe), Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,3	0,02	KPH
7.8. Hàm lượng mangan (Mn), Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,3	0,02	KPH
7.9. Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻), Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	50	-	12,7
7.10. Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻), Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	3,0	0,1	KPH
7.11. Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻), Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	250	-	5,6
7.12. Chỉ số permanganate quy về O ₂ , Permanganate index as O ₂	mg/L	TCVN 6186 : 1996	2,0	1,0	KPH
Nhóm Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ					
7.13. Hàm lượng tổng clo dư (Cl ₂), Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225 – 2 : 2012	0,3 – 0,5	0,02	KPH
Nhóm Vi Sinh Vật					
7.14. Tổng số coliform, Total coliform	CFU/ 100 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	0	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.15. Escherichia coli,	CFU/ 100 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	0	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than

Ghi chú / Notice: KPH : Không phát hiện/ Not detected

TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ the result "< 1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.qltest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn
CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3742 3160 Fax: (84-28) 3742 3174 E-mail: tn-cskh@qltest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/2 – TTTN09

KT3 – 01868AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

15/05/2019
Page 01/02

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu
<i>Name of sample</i> | : MẪU NƯỚC TẠI VAN NƯỚC VỆ SINH TRƯỚC AIR SHOWER
CHÍNH – NHÀ MÁY MỈ HCM2
Ký hiệu van: A/HCM2
Thời gian lấy mẫu/ <i>Sampling time</i> : 10 ^h 00 – 09/05/2019 |
| 2. Mô tả mẫu
<i>Description</i> | : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / <i>Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.</i>
Mẫu nước chứa trong 03 chai nhựa x 1,0 L
<i>As received, the water sample was contained in 03 plastic bottles x 1,0 L</i> |
| 3. Số lượng mẫu
<i>Quantity</i> | : 01 |
| 4. Ngày nhận mẫu
<i>Date of receiving</i> | : 09/05/2019 |
| 5. Thời gian thử nghiệm
<i>Testing time</i> | : 10/05/2019 – 15/05/2019 |
| 6. Nơi gửi mẫu
<i>Customer</i> | : CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM
Lô số II-3, Đường CN 11, Nhóm CN II, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh |
| 7. Kết quả thử nghiệm
<i>Test results</i> | : Xem trang / <i>See page 02/02</i> |

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL
TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB

Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thí nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quanta 3.*
 3. N/A. Không áp dụng. / *Not applicable.*
 4. Tên mẫu, tên khách hàng gửi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
 5. Độ không đảm bảo do mô phỏng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể hiểu theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
 Estimated expansion uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level. Please contact Quanta 3 at the below address for further information.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274	Fax: (84-28) 3829 3012	Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Iz, Dong Nai, Vietnam	Tel: (84-251) 383 6212	Fax: (84-251) 383 6298	E-mail: tn-cs3@quatest3.com.vn
CS lot. K1 road, Cat Lai Iz, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3742 3174	E-mail: tn-cs3@quatest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/1 – TTTN09

KT3-01868AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2019
Page 02/02

Tên chỉ tiêu
Characteristic

Phương pháp
thử
Test method

Mức giới hạn tối đa cho phép theo Giới hạn Maximum phát hiện requirement (upper Limit of QCVN 1:2009 detection

Kết quả
thử nghiệm
Test result

	Nhóm Chỉ tiêu cảm quan và thành phần vô cơ
--	--

7.1.	Độ màu / <i>Color</i>	Pt. Co	TCVN 6185 : 2015	15	5,0	KPH
7.2.	Mùi / <i>Odor</i> ,		Cảm quan <i>Sensory test</i>	Không có mùi lạ <i>No strange odor</i>	-	Không có mùi lạ <i>No strange odor</i>
7.3.	Độ đục / <i>Turbidity</i>	NTU	SMEWW 2130B : 2017	2,0	0,5	KPH
7.4.	Độ pH ở 25 °C/ <i>pH value at 25 °C</i>		TCVN 6492 : 2011	6,5 – 8,5	-	7,2
7.5.	Độ cứng toàn phần quy về CaCO ₃ ,mg/L <i>Total hardness as CaCO₃</i>		SMEWW 2340C : 2017	300	-	16,5
7.6.	Hàm lượng clorua (Cl ⁻), <i>Chloride content</i>	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	250	-	37,0
7.7.	Hàm lượng sắt (Fe), <i>Iron content</i>	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,3	0,02	KPH
7.8.	Hàm lượng mangan (Mn), <i>Manganese content</i>	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,3	0,02	KPH
7.9.	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻), <i>Nitrate content</i>	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	50	-	12,7
7.10.	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻), <i>Nitrite content</i>	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	3,0	0,1	KPH
7.11.	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻), <i>Sulfate content</i>	mg/L	SMEWW 4110B : 2017	250	-	5,6
7.12.	Chỉ số permanganate quy về O ₂ , <i>Permanganate index as O₂</i>	mg/L	TCVN 6186 : 1996	2,0	1,0	KPH

Nhóm Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ

7.13. Hàm lượng tổng clo dư (Cl ₂), <i>Total chlorine content</i>	mg/L	TCVN 6225 – 2 : 2012	0,3 – 0,5	0,02	KPH
Nhóm Vi Sinh Vật					
7.14. Tổng số coliform, <i>Total coliform</i>	CFU/ 100 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	0	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.15. Escherichia coli,	CFU/ 100 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	0	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>

Ghi chú / Notice: KPH : Không phát hiện/ *Not detected*

TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

(**): Kết quả được biểu thị " <1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra *the result " <1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed*



QUATEST 3®

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3829 4274	Fax: (84-28) 3829 3012	Website: www.quest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Iz, Dong Nai, Vietnam	Tel: (84-251) 383 6212	Fax: (84-251) 383 6298	E-mail: tn-cskh@quest3.com.vn
CS lot, K1 road, Cat Lai Iz, Dist. 2, HCMC, Vietnam	Tel: (84-28) 3742 3160	Fax: (84-28) 3742 3174	E-mail: tn-cskh@quest3.com.vn

Lần sửa đổi: 0

BH12 (07/2018)

M03/2 – TTTN09